

Số: 10 /CT-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2020

CHỈ THỊ
Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
5 năm 2021 - 2025 của tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 179/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về mục tiêu và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tỉnh Đồng Nai 5 năm 2016-2020, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực đang có những diễn biến phức tạp, khó lường ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát HĐND tỉnh, sự chủ động điều hành của UBND tỉnh và sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân đã vượt qua khó khăn thách thức, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và giải quyết các vấn đề về môi trường.

Trong giai đoạn tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường trong khi đó kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, đồng thời tiến hành xây dựng chương trình hành động thực hiện kế hoạch năm 2021-2025 trong đó có diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19.

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp có vốn nhà nước (gọi chung doanh nghiệp) tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 với các yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung chủ yếu sau:

A. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025:

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch 5 năm 2021-2025 phù hợp với mục tiêu phát triển chung của các Bộ, ngành, Trung ương. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, gồm:

I. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020:

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm 2016-2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020, các Sở, ngành và địa phương đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; trong đó, cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ được các thành tựu nổi bật của giai đoạn 2016-2020), các yếu kém, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân (về thể chế, tổ chức thực thi thể chế...), trách nhiệm và bài học kinh nghiệm để có biện pháp khắc phục (nhất là các biện pháp về hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi thể chế) cho giai đoạn tới, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh như đại dịch Covid-19. Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

1. Các Sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội X của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 179/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

2. Tình hình thực hiện chủ trương, chính sách lớn cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Trong đó, tập trung:

a) Đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ được giao: Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ/nhóm nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế của Sở, ngành và địa phương được giao tại Chương trình hành động số 10303/CTr-UBND ngày 09/10/2017 về thực hiện Nghị quyết 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 31/8/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng nâng cao chất lượng tăng trưởng năng suất lao động sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi là Nghị quyết 24).

b) Thực hiện cơ cấu lại của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực; việc khai thác và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước,...

c) Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm, gồm: đầu tư công; các tổ chức tín dụng; doanh nghiệp nhà nước; ngân sách nhà nước; Cơ cấu lại các ngành kinh tế (cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại các ngành công nghiệp, và cơ cấu lại các ngành dịch vụ); khu vực công; đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; môi trường kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ số; năng lực sản xuất mới tăng thêm trong giai đoạn 2016 -2020.

3. Tình hình và kết quả thực hiện 3 đột phá lớn về (i) Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hiệu quả các công trình hạ tầng xã hội và dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; trong đó, ưu tiên đầu tư nâng cấp các công trình cấp nước sạch, thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở phục vụ nhân dân; (ii) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào các ngành nghề chủ lực, mũi nhọn của tỉnh. Đầu tư phát triển giáo dục mầm non theo Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2015 - 2020; (iii) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng xây dựng nền hành chính hiện đại, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực, hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững của tỉnh. Cần nêu rõ những kết quả cụ thể đã đạt được, như: nghiên cứu tham mưu xây dựng chính sách; xây dựng các đề án, chương trình kế hoạch triển khai; huy động các nguồn lực; tổ chức triển khai và tiến độ thực hiện, đặc biệt là các dự án lớn, quan trọng của tỉnh.

4. Tình hình thực hiện các chính sách tiền tệ, tín dụng; thu chi ngân sách nhà nước; quản lý nợ công, nợ chính quyền địa phương; xuất nhập khẩu, năng lượng, đặc biệt là điện.

5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, như: vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; vốn từ khu vực dân cư; vốn đầu tư từ khu vực tư nhân; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn huy động khác.

6. Những kết quả về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ. Trong đó, đi sâu đánh giá tình hình phát triển và đổi mới giáo dục đào tạo; trình độ khoa học công nghệ, đánh giá về các kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng trong thực tiễn; đóng góp của khoa học công nghệ đến tăng trưởng kinh tế; khai thác và sử dụng các cơ sở vật chất - kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học và đổi mới công nghệ.

7. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, như: công tác bảo đảm an sinh xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động; chăm sóc người có công; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tình trạng già hóa dân số; nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tạo việc làm; thông tin, văn hóa; thể dục thể thao; thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; phòng, chống tệ nạn xã hội, nạn tin giả; phòng, chống cháy nổ.

8. Tình hình thực hiện công tác quy hoạch và phát triển vùng, liên kết vùng; phát triển đô thị; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới.

9. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tình hình khai thác cát sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình

hình hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn, tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị và ngập úng ở các đô thị lớn.

10. Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; công tác đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế.

11. Tình hình tổ chức thi hành pháp luật; thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

12. Kết quả trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

13. Trên cơ sở tổng kết đánh giá các nội dung cụ thể nêu trên, đánh giá tổng quát kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, những kết quả đạt được, các hạn chế, yếu kém; các nguyên nhân chủ quan và khách quan; rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Căn cứ đặc điểm, tình hình và lĩnh vực, địa bàn quản lý, các sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp có vốn nhà nước tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị và địa phương.

II. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường như cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng quyết liệt; tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn giai đoạn trước; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ và rộng rãi đến mọi mặt của đời sống; các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ; dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19... Trong nước, thể và lực của đất nước sau hơn 30 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn nhiều cả về quy mô và sức cạnh tranh; tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,...Tuy nhiên, trong giai đoạn 2021-2025 nền kinh tế sẽ phải đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế chưa và chậm được khắc phục cũng như các vấn đề xã hội - môi trường gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn.

Trong tỉnh Đồng Nai những thành tựu về phát triển kinh tế xã hội trong các năm qua là tiền đề hết sức quan trọng cho sự phát triển ở những năm tiếp theo. Việc tập trung xây dựng các dự án quan trọng cấp quốc gia như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cao tốc Dầu Giây- Phan Thiết và các dự án giao thông liên kết vùng đang triển khai trên địa bàn sẽ mang lại nhiều động lực, cơ hội thúc đẩy phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh. Song Đồng Nai cũng đang đối mặt với những diễn biến phức tạp về thiên tai do biến đổi khí hậu; tình trạng chất lượng

nguồn nhân lực thấp; tính chủ động tham gia trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sự chống phá không ngừng của các thế lực thù địch và những khó khăn bởi sức ép lớn về yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng, việc làm, nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục và giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường do quá trình phát triển công nghiệp, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, người dân đến làm ăn và sinh sống tại địa phương tăng mạnh.

Trong bối cảnh đó, các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

1. Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025: mục tiêu hướng đến năm 2025 của Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp.

3. Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn, trong đó: phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh bình quân 5 năm 2021-2025 tăng khoảng 8-9%, đối với Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp, căn cứ tình hình thực tế xây dựng tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và địa phương xây dựng phương án tăng trưởng hợp lý và phù hợp; một số chỉ tiêu cơ bản tại Phụ lục số 1 kèm theo và đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản của Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp cho giai đoạn 2021-2025.

4. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

4.1 Các nhiệm vụ đột phá dự kiến:

- Huy động các nguồn lực tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông trọng điểm, giao thông đô thị và giao thông kết nối.

- Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, công nghiệp chế biến sâu nông sản và các dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại mà tỉnh có lợi thế, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistics.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nêu cao tính tiên phong gương mẫu của đảng viên và trách nhiệm của người đứng đầu trong các đơn vị, tổ chức.

4.2 Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

a) Kế thừa và phát huy những thành quả đạt được trong 35 năm đổi mới, phát huy lợi thế so sánh và huy động các nguồn lực thúc đẩy kinh tế tỉnh Đồng Nai phát triển bền vững. Tiếp tục thu hút đầu tư có chọn lọc, phát triển công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản; ưu tiên phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở hình thành các khu (tổ hợp) công - nông nghiệp - dịch vụ ở các địa phương có điều kiện tạo động lực thúc đẩy sự phát triển ở từng địa bàn. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn

lực đầu tư của nền kinh tế; từng bước xây dựng và phát triển đô thị thông minh; phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

b) Thực hiện lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch; Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm, cụ thể:

- Chú trọng việc quy hoạch các khu (tổ hợp) công - nông nghiệp - dịch vụ (công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ phục vụ công nghiệp chế biến và nông nghiệp), điều chỉnh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dịch vụ, du lịch.... Tập trung thực hiện công tác quy hoạch các khu tái định cư, khu đô thị tái định cư. Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp người dân bị thu hồi đất ở các dự án trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn.

- Về định hướng không gian phát triển kinh tế - xã hội, xác định huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch là hai địa phương có tiềm năng và dư địa lớn cần có cơ chế, chính sách đầu tư thỏa đáng nhằm đáp ứng tốt cho yêu cầu thúc đẩy sự phát triển của Đồng Nai, nhất là lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ - thương mại; đồng thời xác định các trục (tuyến), bao gồm tuyến phía Bắc, tuyến phía Tây, tuyến phía Đông để phát triển và đầu tư phát triển đối với các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế như: phát triển đô thị; du lịch sinh thái - văn hóa - tâm linh, nghỉ dưỡng chất lượng cao; dịch vụ vui chơi, giải trí;... Từ đó, tập trung xây dựng các quy hoạch chiến lược của tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Chuẩn bị các nguồn lực để khai thác tốt lợi thế khi dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành đưa vào khai thác, các dự án hạ tầng giao thông kết nối liên vùng hoàn thành. Xác định đây là vùng động lực mới để thúc đẩy phát triển kinh tế, nhất là dịch vụ tài chính, logistics, dịch vụ bất động sản.

c) Phát triển kinh tế bền vững trên cơ sở nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng năng suất lao động, phát huy phong trào khởi nghiệp sáng tạo, tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu, phát triển ứng dụng các mô hình kinh tế ban đêm, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn. Khuyến khích, hỗ trợ để hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh cao.

d) Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát huy vai trò nền tảng của văn hóa, xây dựng con người phát triển toàn diện, gia đình ấm no, hạnh phúc; nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Quan tâm phát triển hệ thống an sinh xã hội, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân, người lao động. Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các lĩnh vực ưu tiên. Quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, khoáng sản, hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên không tái tạo. Tăng cường công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, giải quyết triệt để các vấn đề môi trường bức xúc. Tổ chức thực hiện tốt việc ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

đ) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

e) Tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; nâng cao chất lượng, hiệu quả một số hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp, thi hành án; cải cách thủ tục hành chính, trong đó chú trọng thực hiện có hiệu quả chính quyền điện tử.

g) Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng- an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, dành nguồn lực cho xây dựng, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thể trận an ninh nhân dân, giữ vững trật tự an toàn xã hội và ổn định chính trị trên địa bàn; chủ động nắm tình hình, đấu tranh vô hiệu hóa, làm thất bại âm mưu hoạt động khủng bố, phá hoại của các thế lực thù địch, phản động; tập trung tấn công, trấn áp mạnh các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”, bảo kê, đòi nợ thuê, cưỡng đoạt tài sản; triệt phá các tụ điểm đánh bạc, tổ chức đánh bạc, đường dây ma túy; xử lý nghiêm các hành vi “tham nhũng vặt” gây bức xúc trong nhân dân; triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

h) Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp cụ thể hóa các cơ chế, giải pháp, chính sách để thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Cơ chế, giải pháp, chính sách phải bảo đảm sự thống nhất về các nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành và từng địa phương.

B. YÊU CẦU VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

I. Yêu cầu

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020:

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội X của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 179/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, các Quyết định triển khai Nghị quyết của UBND tỉnh trong điều hành thực hiện kế hoạch hằng năm.

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát, đúng thực tiễn và có sự so sánh với kết quả thực hiện của giai đoạn 2011-2015. Số liệu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 sử dụng theo số liệu chưa đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

c) Huy động, phát huy được sự phối hợp của cả bộ máy tổ chức; có sự tham gia, góp ý của các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các đoàn thể, các hiệp hội, cộng đồng dân cư và các chuyên gia để bảo đảm nâng cao chất lượng báo cáo.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

a) Kế hoạch của tỉnh phải xây dựng bám sát các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

b) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng, kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận; cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo sự kế thừa những thành quả của kế hoạch 5 năm 2016-2020, có sự đổi mới và tiếp thu, tiếp cận trình độ phát triển tiên tiến của khu vực và thế giới cũng như bảo đảm khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

c) Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, kế hoạch được xây dựng phải phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương.

Các mục tiêu, chỉ tiêu được tính toán, dự báo dựa trên số liệu giai đoạn 2016-2020 được đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

d) Việc xây dựng giải pháp tổ chức thực hiện bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp.

đ) Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong quá trình xây dựng Kế hoạch.

II. Kinh phí

Kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình, đề án thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 có chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

C. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025.

1. Đánh giá đầy đủ, chính xác việc thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình, đề án của UBND tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 theo Phụ lục số 2 kèm theo, gồm các kết quả đạt được (bao gồm cả công tác tổ chức, phối hợp thực hiện), các yếu kém, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm liên quan đến yếu kém, hạn chế và bài học kinh nghiệm rút ra để có biện pháp khắc phục cho giai đoạn 2021-2025.

2. Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của cơ quan, đơn vị mình, các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp đề xuất Chương trình, đề án đưa vào Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 (báo cáo theo Phụ lục số 3 kèm theo).

D. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025 VÀ ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Xây dựng các đề cương Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh và đề xuất Chương trình, đề án của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, phân công nhiệm vụ và tiến độ báo cáo cụ thể đối với các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp trong Quý II năm 2020.

b) Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị liên quan xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế cho 5 năm 2021-2025 và tổng hợp các cân đối lớn trong Quý III năm 2020.

c) Chủ trì, phối hợp làm việc với Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp trong tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trong Quý III năm 2020. Tổng hợp tình hình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp.

d) Tổng hợp và xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trình UBND tỉnh trong tháng 9 năm 2020.

đ) Tổng hợp và xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình, đề án của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và đề xuất Chương trình, đề án của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trình UBND tỉnh trong tháng 10 năm 2020.

e) Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp.

g) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu kế hoạch bảo đảm tính khả thi, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và phối hợp với Cục Thống kê tỉnh để thống nhất cách thu thập các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi toàn tỉnh, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch.

2. Các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp:

a) Các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương phụ trách, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

đánh giá tình hình thực hiện Chương trình, đề án thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng Chương trình, đề án thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trong tháng 5 năm 2020.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP), Cục Thống kê tỉnh căn cứ số liệu chính thức do Tổng cục Thống kê công bố cho các năm 2016, 2017, 2018, 2019 để dự tính tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh - GRDP cho năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 và làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

b) Dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình, đề án thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, định hướng phát triển của cả nước và của ngành mình, cấp mình theo các nội dung và yêu cầu nói trên trình cấp có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo các cơ quan cấp trên, các cơ quan Trung ương theo tiến độ quy định. Gửi các dự thảo Kế hoạch 5 năm 2021-2025 và Chương trình, đề án thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương đến Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 20 tháng 7 năm 2020.**

c) Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan liên quan, bao gồm các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức phi Chính phủ, cộng đồng dân cư, nhất là các nhà đầu tư và doanh nghiệp và các nhà tài trợ, các chuyên gia,... về dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nhằm tạo sự đồng thuận cao, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Bố trí đủ kinh phí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 bảo đảm nâng cao chất lượng các báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc các Tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp có vốn nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND Tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Chánh - Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, THNC (các phòng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng

PHỤ LỤC 1

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA X; NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH KHÓA IX VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu giai đoạn 2016- 2020	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH 2020	UTH Mục tiêu 2016- 2020	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu giai đoạn 2016- 2020 (đạt hay không đạt)	Dự kiến Giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		13
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	8-9										Cục thống kê tỉnh
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng USD	- 5.300 - 5.800										
3	Kim ngạch xuất khẩu	%	9-11										
4	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng %GRDP	- 17-18% GRDP										Sở Tài chính
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	1.000 tỷ đồng %GRDP	400-420 -										
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Số xã	80%										Sở Kế hoạch và Đầu tư

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu giai đoạn 2016- 2020	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH 2020	UTH Mục tiêu 2016- 2020	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu giai đoạn 2016- 2020 (đạt hay không đạt)	Dự kiến Giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện
6	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm	Số xã	15% xã đạt chuẩn NTM NC										Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu nâng cao	Số xã	-										
	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Số huyện	80%										
7	Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà ở xã hội	Căn	-										Sở Xây dựng
8	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	Đến năm 2020 giảm còn 1%										Sở Y tế
9	Số giường bệnh/vận dân	Giường	30										
	Số Bác sỹ/ vận dân	Bác sỹ	8,5										
10	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi	%	giảm còn 8%										
	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi	%	giảm còn 23%										

ST T	Chi tiêu	DVT	Mục tiêu giai đoạn 2016- 2020	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH 2020	UTH Mục tiêu 2016- 2020	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu giai đoạn 2016- 2020 (đạt hay không đạt)	Dự kiến Giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện
11	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm còn dưới 1% (theo chuẩn nghèo của gđ 2016-2020)										Sở Lao động Thương binh và Xã hội
12	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	55										Bảo hiểm xã hội tỉnh
	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	40										
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	80										
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	65										Sở Lao động Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm	%	20										
14	Giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị	%	giảm xuống còn 2,4%										

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu giai đoạn 2016- 2020	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH 2020	UTH Mục tiêu 2016- 2020	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu giai đoạn 2016- 2020 (đạt hay không đạt)	Dự kiến Giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện
15	Tỷ lệ áp, khu phố văn hóa	%	Trên 95%										Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	Trên 98% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn hộ gia đình giữ vững và phát huy danh hiệu ĐDVH										
	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, trong đó:		-										
16	Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch		-										Sở Xây dựng
	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn QC02	%	đến năm 2020 80% hộ dân nông thôn										Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Thu gom và xử lý chất thải y tế	%	100										
	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	100										

ST T	Chi tiêu	DVT	Mục tiêu giai đoạn 2016- 2020	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH 2020	UTH Mục tiêu 2016- 2020	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu giai đoạn 2016- 2020 (đạt hay không đạt)	Dự kiến Giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện
17	Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại	%	100										Sở Tài nguyên và Môi trường
	Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó:	%											
	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%	100										
	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt	%	<15										
18	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	%	-										Sở Nông nghệp và Phát triển Nông thôn
	Tỷ lệ KCN có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động	%	-										
19	Tỷ lệ che phủ cây xanh	%	52										Sở Lao động, Thương
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	29,76										
20	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung	%	-										Sở Lao động, Thương
	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tại cộng đồng và cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện, trong đó:	%	-										

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu giai đoạn 2016- 2020	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH 2020	UTH Mục tiêu 2016- 2020	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu giai đoạn 2016- 2020 (đạt hay không đạt)	Dự kiến Giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện
	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình	%	-										bình và Xã hội
	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy	%	-										
21	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do Quân khu giao	%	Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân										Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
22	Giảm số vụ tội phạm hình sự (trừ tội phạm ma túy)	%	-										
23	Phát hiện và xử lý tội phạm ma túy	%	-										
24	Giảm số vụ, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	%	-										
	- Số vụ	%	-										
	- Số người chết	%	-										
	- Số người bị thương	%	-										
25	Xử lý tin báo, tố giác tội phạm	%	-										
	Tỷ lệ điều tra, khám phá các loại án	%	-										

ST T	Chỉ tiêu	DVT	Mục tiêu giai đoạn 2016- 2020	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH 2020	UTH Mục tiêu 2016- 2020	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu giai đoạn 2016- 2020 (đạt hay không đạt)	Dự kiến Giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện
	Tỷ lệ điều tra các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng	%	-										
	Chỉ tiêu thi hành án dân sự xong/tổng số án có điều kiện thi hành trong đó:	%	-										
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về việc	%	-										
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về tiền	%	-										
	Giảm số việc, số tiền chuyển kỳ sau/số có điều kiện thi hành, trong đó:	%	-										
	- Về việc	%	-										
	- Về tiền	%	-										

Cục Thi
hành án
tỉnh

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Chỉ thị số ...10...../CT- UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh ngày 27 tháng 5 năm 2020)

TT	TÊN ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	HÌNH THỨC VĂN BẢN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
1	Kế hoạch 5047/KH-UBND ngày 10/6/2014 về việc thực hiện đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả và năng lực cạnh tranh đến năm 2020 của tỉnh Đồng Nai.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2014	UBND tỉnh	Kế hoạch	
2	Chương trình hành động số 10303/CTr-UBND ngày 9/10/2017 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/2/2017 của Chính phủ, Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 31/8/2017 của Tỉnh ủy	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2017	UBND tỉnh	Chương trình	

3	Kế hoạch số 14533/KH-UBND ngày 28/12/2018 về triển khai các nhiệm vụ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng theo Báo cáo số 353-BC/TU ngày 10/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2018	UBND tỉnh	Kế hoạch	
4	Chương trình tổng thể đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (Chương trình số 2314/CTr-UBND ngày 29/3/2016)	Sở Nội vụ	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2016	UBND tỉnh	Chương trình	
5	Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2016	UBND tỉnh	Chương trình	

6	Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 09/9/2016)	Sở Công thương	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2016	UBND tỉnh	Chương trình	
7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 19/9/2016	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2016	UBND tỉnh	Chương trình	
8	Chương trình Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Đồng Nai phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững 2016 - 2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2016	UBND tỉnh	Chương trình	
9	Chương trình cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020	Sở Nội vụ	Các Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Năm 2016	UBND tỉnh	Chương trình	